TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 832/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2120/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N T P**,** sinh năm 1981;
Cư trú: 598/66 Đ B P, Phường 22, quận B T, TP. H.

2. Bị đơn: Ông D V T, sinh năm 1975;
Cư trú: 33/7 Đ B P, Phường 22, quận B T, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà N T P là nguyên đơn trình bày: bà P và ông D V T quen nhau từ năm 2000 đến năm 2002 hai bên thống nhất tiến tới hôn nhân và đã được Ủy ban nhân dân Phường 22, quận B T, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống tôi và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, nên tôi và ông T đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay tôi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tôi yêu cầu được ly hôn với ông D V T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung tên D T N, sinh ngày 22/11/2002; D T A, sinh ngày 08/02/2009; D B N, sinh ngày 22/7/2019 . Bà P yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên D T N, D T A, D B N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo việc thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa Bà N T P và ông D V T theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vắng mặt không lý do, nên các phiên hòa giải đoàn tụ không thể tiến hành được, Bà N T P vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với ông D V T. Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Ngày 08/5/2020, bà N T P có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B T tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý vụ án và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm sát thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong suốt quá trình thu thập chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia vụ án tuân thủ đúng trình tự luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N T P. Về con chung: Có 03 con chung tên D T N, sinh ngày 22/11/2002; D T A, sinh ngày 08/02/2009; D B N, sinh ngày 22/7/2019. Giao cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng nuôi con, bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N T P khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Bà N T P yêu cầu được ly hôn với ông D V T. Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông D V T có địa chỉ thường trú tại số 33/7 Đ B P, Phường 22, quận B T, thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông D V T đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 10/6/2020, 10/7/2020 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do là ông T đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D V T.

Xét đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/5/2020 của bà N T P là đúng theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N T P.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N T P yêu cầu được ly hôn với ông D V T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyển số 01 đã được Ủy ban nhân dân Phường 22, quận B T, thành phố H cấp ngày 23/01/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa bà N T P và ông D V T là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì bà N T P cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, từ tháng 6/2019 cho đến nay bà và ông T đã ly thân. Nay bà P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên yêu cầu được ly hôn với ông D V T. Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày hòa giải cũng như thông báo ngày xét xử cho ông T để bà P và ông T hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông T không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, cũng như không có điều kiện để Tòa án hàn gắn tình cảm, bà P cương quyết xin ly hôn. Xét thấy hai bên không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng đoàn tụ gia đình là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà N T P yêu cầu ly hôn với ông D V T là có căn cứ được chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Có 03 con chung tên D T N, sinh ngày 22/11/2002; D T A, sinh ngày 08/02/2009; D B N, sinh ngày 22/7/2019. Bà P yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên D T N, D T A, D B N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Theo giấy khai sinh số 394, quyển số 02/2002, ngày 28/11/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho D T N, sinh ngày 22/11/2002 (nữ); Bản sao giấy khai sinh số 53, quyển số 01/2009, ngày 23/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho D T A, sinh ngày 08/02/2009 (nam); Bản sao trích lục khai sinh số 409/TLKS – BS, ngày 20/8/2019 cấp cho D B N, sinh ngày 22/7/2019 (nữ) đều thể hiện mẹ là bà N T P và cha là ông D V T. Như vậy, đủ cơ sở xác định bà P, ông T có 03 con chung tên D T N, D T A, D B N. Xét, Hiện nay D T N, D T A đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của trẻ D T N, D T A là tiếp tục được sống bà P. Đối với trẻ D B N dưới 36 tháng tuổi, nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nên yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà N T P

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T P được ly hôn với ông D V T .

- Về con chung: Có 03 con chung tên D T N, sinh ngày 22/11/2002; D T A, sinh ngày 08/02/2009; D B N, sinh ngày 22/7/2019. Giao cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên D T N, D T A, D B N. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông D V T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung tên D T N, D T A, D B N; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà N T P phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017129 ngày 05/11/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà N T P, ông D V T có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Thảo